

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An và bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- N ký phiên tòa: Bà Đôn Minh Tiến - N ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Đình C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1980 tại: xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Trú tại: Thôn C, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn Đ và con bà Nguyễn Thị E (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị F, sinh năm 1983 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015). Tiền án: tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt)

Bị hại bao gồm:

1. Chị Nguyễn Thị F, sinh năm 1983; trú tại: Thôn O, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt)

2. Ông Trần Văn G, sinh năm 1981; trú tại: Thôn O, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đình C kết hôn với chị Nguyễn Thị F từ năm 2002 và có với chị F ba con chung là: cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 2004; cháu Vũ Thị Bích I, sinh năm 2006 và cháu Vũ Đăng K, sinh năm 2015. Từ khoảng năm 2017 đến năm 2020, Vũ Đình C Nồng xuyên uống rượu, mắng chửi, đH đập chị F. Do vậy, từ đầu năm 2021 đến nay, C với chị F đã sống ly thân nhau, chị F đưa cháu Vũ Thị Ngọc H và cháu Vũ Thị Bích I về sống ở nhà ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị N tại thôn O, xã B, huyện D (là bố, mẹ đẻ chị F nhưng hiện nay ông M và bà N không ở ngôi nhà trên mà sống cùng con trai là anh Nguyễn Văn L ở thôn C, xã B), còn C vẫn sống cùng với cháu Vũ Đăng K tại nhà ở thôn C, xã B, huyện D.

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 08/10/2021, C ngủ dậy, đi ra cổng nhà C thì thấy một bao tải xác rắn màu trắng để ở gần trụ cổng bên phải theo hướng từ trong nhà ra ngoài đường. C mở bao tải ra kiểm tra thấy bên trong có một khẩu súng có đặc điểm: súng có chiều dài khoảng 103cm, nòng và hộp khóa nòng dài 74cm, không có lưỡi lê, báng súng làm bằng gỗ. Sau khi nhặt được khẩu súng, C mang vào nhà kiểm tra thấy bên trong súng và hộp tiếp đạn không có đạn, C thử thao tác với khẩu súng hai lần với các động tác là gior súng lên ngắms, kéo khóa nòng lên đạn rồi bóp cò. C thấy khẩu súng vẫn hoạt động bình Nồng, nên đã dùng dầu luyr để lau chùi các bộ phận của khẩu súng rồi cất vào bao tải, giấu vào dưới gầm giường trong phòng ngủ của mình. Qua các L tiện thông tin đại chúng, Vũ Đình C biết khẩu súng này là vũ khí quân dụng, việc tàng trữ súng này mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng C nghĩ không ai biết việc C nhặt được khẩu súng nên vẫn cất giấu khẩu súng này với mục đích khi nào có việc cần thì sẽ đem ra sử dụng mà không báo cáo, giao nộp khẩu súng cho các cơ quan chức năng theo quy định.

Sáng ngày 11/10/2021, C đưa cháu Vũ Đăng K đi học tại trường tiểu học B I, sau đó C gọi điện thoại cho cháu Vũ Thị Ngọc H và dặn H là buổi chiều đi đón cháu K về nhà chị F do C bận đi làm không đón được. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe máy BKS 88F4-0007 đến nhà chị F để đón cháu K về. Khi đi đến nơi, C thấy cổng nhà đang đóng, C gọi: “K ơi” nhưng không có ai ra mở cổng. Thấy vậy, C tự mở cổng đi vào trong sân, dựng xe máy ở sân và nhìn thấy chị F, cháu H và cháu K đang ngồi ở trong nhà. C gọi, bảo cháu K ra xe máy để đi về, thì chị F không đồng ý cho cháu K về và nói với C là cho cháu K ở lại để các chị dạy K học. Nghe chị F nói vậy, C không đồng ý nên giữa C và chị F đã to tiếng dẫn đến cãi nhau. Sau khi cãi nhau xong, C bực tức đưa cháu K đi về nhà tại thôn C, xã B. Trên đường về, C nghĩ, tức giận vì cho rằng việc chị F tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hay cãi lại cM thể hiện sự coi Nồng C. Khi về đến nhà, C đi vào trong phòng ngủ lấy khẩu súng nhặt được trước đó đem ra để ở giá đèn hàng giữa xe mô tô, thân súng để dựa vào người, nòng súng hướng lên trên rồi điều khiển xe

mô tô đi đến nhà chị F để đe dọa chị F. Khi đến trước cổng nhà chị F, C quay đầu xe, dựng xe trước cổng, rồi xuống xe, cầm súng trước ngực đứng cách cổng khoảng 01m nhìn vào trong nhà rồi chửi bới chị F, C thấy cổng sắt đóng, cài then nhưng không khóa. C chửi to: “Mẹ mày, khôn hồn thì mày về nhà Fy, mày trốn ở đây ai lo cho con tao ăn uống, học hành, mày có giỏi mày ra đây, mày mà láo tao bắn chết mày”; “Đứa nào ra đây tao bắn chết”; “mẹ bọn xóm Dạ chúng mày ra đây tao bắn chết”. C chửi bới một lúc thì nhìn thấy chị F đi ra đứng ở trên thềm hè phía trước gian buồng ngủ, đối diện chỗ C đang đứng, lúc này khoảng cách giữa C với chị F khoảng 18m, chị F nói: “Anh về đi, tôi và anh không còn liên quan gì đến nhau nữa”, C nói: “Đây không phải nhà mày”, chị F lại nói: “Đây là nhà tao”, C nói: “Mày có giỏi ra đây, tao bắn chết mày”, đồng thời C nâng súng lên trước ngực thực hiện động tác lên đạn khẩu súng, tay trái cầm báng súng, tay phải kéo khóa nòng liên tục hai lần làm khẩu súng phát ra âm thanh “xoành xoạch” đồng thời hướng nòng súng về phía chị F, thấy vậy chị F sợ hãi, lo sợ C sẽ bắn để giết mình nên chị F đã ngồi xuống núp vào cột hiên nhà thứ 2 từ phải sang trái theo hướng từ trong nhà ra ngoài đường để tránh khỏi hướng nòng súng của C.

Trong lúc C chửi bới, cầm súng dọa bắn chị F thì có ông Trần Văn G là hàng xóm ở gần nhà chị F đi từ trong nhà ra cổng đứng xem, cách vị trí của C khoảng 10m. Thấy ông G, C nghĩ ông G ra để can ngăn mình nên C nói: “Không phải việc của chúng mày, đi về không tao bắn chết”. Sau đó, C hướng nòng súng về phía ông G đồng thời thực hiện động tác lên đạn, tay trái cầm báng súng, tay phải kéo khóa nòng liên tục hai lần làm khẩu súng phát ra âm thanh “xoành xoạch” và nói: “Mẹ bọn xóm Dạ, chúng mày đứa nào ra đây tao bắn chết”. Thấy C cầm súng như vậy, ông G sợ hãi, lo sợ C sẽ bắn chết mình nên đã bỏ chạy vào trong nhà đóng cổng lại. Một số người dân đang rửa rau ở ao nhà ông G thấy vậy cũng sợ hãi, bỏ chạy đi chỗ khác. Sau đó, C tiếp tục hướng về phía trong nhà chị F để chửi bới.

Một lúc sau, cháu Vũ Thị Ngọc H định đi ra ngoài cổng thì chị F bảo với cháu H là: “Thôi không đi ra, không bố mày đang nóng tính bố mày bắn chết đấy” nhưng cháu H không nói gì mà vẫn đi ra cổng và đứng bên trong sát cổng nói: “Bố đi về đi”, C bảo với cháu H: “Nếu bố mà giết người thì con ở nhà nuôi các em”. Sau đó C tiếp tục chửi bới chị F một lúc nữa rồi lên xe mô tô đi về nhà. Sau khi C đi về, không còn nghe thấy tiếng chửi bới của C ở ngoài đường nữa thì chị F mới dám đứng dậy, rời khỏi cột hiên nhà để đi vào trong nhà. Trên đường đi về nhà, C nghĩ mọi người đã biết việc C có súng, không thể tiếp tục cất giấu được nữa nên C đã đem khẩu súng này đến nhà ông Lê Văn Cải là Trưởng thôn C, xã B giao nộp khẩu súng cho ông Cải. Sau đó ông Cải đã báo cáo Công an xã và Xã đội xã B để thu giữ khẩu súng, giải quyết theo quy định. Ban Công an xã B đã báo cáo

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D để điều tra theo quy định.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Công an huyện D đã phối hợp cùng các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường và chuyển tin báo trên đến Công an tỉnh Vĩnh Phúc để điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 2667 ngày 17/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là súng quân dụng, loại súng trường K63, do Trung Quốc sản xuất, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật số 14/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ”.

Ngày 17/11/2021, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 680, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để xác định tình trạng hoạt động của khẩu súng thu giữ của Vũ Đình C.

Tại bản Kết luận giám định số 3076 ngày 25/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Khẩu súng gửi giám định hoạt động bình thường (bắn được đạn) tại thời điểm giám định”.

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với các đơn vị gồm: Cục Quân khí- Tổng cục kỹ thuật- Bộ Quốc phòng, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an, Cục Trang bị và kho vận- Bộ Công an, Cơ quan An ninh điều tra 62 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị thuộc Công an tỉnh Vĩnh Phúc để rà soát, xác minh nguồn gốc khẩu súng trường K63 đã thu giữ được của Vũ Đình C như đã nêu trên. Kết quả xác định không có đơn vị nào quản lý, sử dụng, cấp phép hay bị thất lạc hoặc thụ lý vụ án, vụ việc nào có vật chứng là khẩu súng trường K63 nêu trên.

- Đối với chiếc xe máy BKS: 88F4-0007 do Vũ Đình C đã sử dụng để đi từ nhà C đến nhà chị F. Sau đó C thực hiện hành vi đe dọa bắn để giết chị Nguyễn Thị F và ông Trần Văn G. Quá trình điều tra vụ án xác định: chiếc xe mô tô trên là của ông Vũ Văn Ơ (ông Ơ là chú ruột của Vũ Đình C). Ông Ơ cho C mượn chiếc xe máy trên để làm L tiện đi lại. Bản thân ông Ơ không biết C sử dụng chiếc xe máy này để mang súng đi đến nhà bố mẹ vợ C đe dọa giết người. Do đó, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy này cho ông Ơ là chủ sở hữu theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị C đe dọa dùng súng bắn thì chị F và ông G không yêu cầu C phải bồi thường gì. Do đó, không đặt ra vấn đề bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đối với khẩu súng trường K63, có đặc điểm: chiều dài khẩu súng là 103cm, nòng và hộp khóa nòng dài 74cm, hộp tiếp đạn hổng, không có lò xo đẩy, không có lưỡi lê, báng súng làm bằng gỗ; số thân của khẩu súng là:

80148197 hiện đang được niêm phong, bảo quản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 57/CT-VKSVP-P2 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Vũ Đình C về các tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và “Đe dọa giết người” theo khoản 1 Điều 304 và điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Đình C phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Đe dọa giết người; Xử phạt bị cáo Vũ Đình C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; xử phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Đe dọa giết người”. Tổng hợp hình phạt buộc Vũ Đình C chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 04 năm đến 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Vũ Đình C có quan điểm hoàn toàn đồng ý với tội danh và điều luật do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố, không có bào chữa hay tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, điều kiện hoàn cảnh cụ thể của bị cáo, mối quan hệ giữa bị cáo với bị hại và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con, chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Vũ Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách

quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 08/10/2021, Vũ Đình C ngủ dậy, đi ra cổng nhà mình thì thấy có một khẩu súng quân dụng, loại súng trường K63 do Trung Quốc sản xuất, súng không có đạn. C biết rõ đây là vũ khí quân dụng, quy định của pháp luật là không được phép tàng trữ nhưng C vẫn mang khẩu súng này về cất giấu tại gian buồng ngủ của nhà C ở thôn C, xã B, huyện D mà không báo cáo, giao nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định, với mục đích khi nào cần thì sử dụng. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/10/2021, do có mâu thuẫn với chị Nguyễn Thị F (là vợ của C) từ trước, do vậy C đã đem súng đến nơi chị F ở tại thôn O, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc để đe dọa giết chị F. Khi thấy chị F đi ra đứng ở thềm nhà, C nâng súng lên trước ngực thực hiện động tác lên đạn khẩu súng, tay trái cầm báng súng, tay phải kéo khóa nòng liên tục hai lần hướng nòng súng ngắm về phía chị F làm chị F sợ hãi, lo sợ nghĩ C sẽ bắn chết mình nên đã phải ngồi xuống núp vào cột hiên nhà để tránh hướng nòng súng của C. Trong khi C thực hiện hành vi dọa bắn chị F thì có ông Trần Văn G là hàng xóm ở gần nhà chị F đi từ trong nhà ra cổng đứng xem. Thấy vậy, C cũng có lời nói đe dọa bắn chết ông G rồi hướng nòng súng về phía ông G đồng thời thực hiện động tác lên đạn, hướng nòng súng về phía ông G làm ông G lo sợ mình sẽ bị bắn chết nên hoảng sợ đã bỏ chạy vào trong nhà rồi đóng cổng lại.

Hành vi cất giữ và sử dụng súng trường K63 theo kết luận giám định của cơ quan chuyên môn xác định là vũ khí quân dụng do Vũ Đình C thực hiện đã phạm vào tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và số lượng vũ khí tàng trữ thì hành vi của Vũ Đình C đã phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, sử dụng trái phépvũ khí quân dụng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm”.

Hành vi sử dụng súng đe dọa bắn chết người khác do bị cáo Vũ Đình C thực hiện đã phạm vào tội “Đe dọa giết người” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong cùng một thời điểm là khoảng 17 giờ ngày 11/10/2021 Vũ Đình C đã thực hiện hành vi đe dọa giết chị Nguyễn Thị F và ông Trần Văn G nên pháp luật quy định là phạm tội “Đối với 02 người trở lên”. Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo, nguyên nhân, động cơ, mục đích của tội phạm, số lượng bị hại và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì hành vi của Vũ Đình C đã phạm vào tội: “Đe dọa giết người” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a, Đối với 02 người trở lên”

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Đình C là nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác và trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, xảy ra tại khu dân cư làm mất an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho nhân dân, vì vậy cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa L và làm gương cho người khác.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật; quá trình giải quyết vụ án bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giữa bị cáo với bị hại có quan hệ vợ chồng, quan hệ hàng xóm, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm thấy rằng: Xuất phát từ việc bức tức do mâu thuẫn vợ chồng, bị cáo bất chấp quy định của pháp luật sử dụng súng đe dọa bắn làm cho bị hại hoảng sợ nên cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt phù hợp theo quy định của pháp luật. Đây cũng là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo sớm hoàn lương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị áp dụng quyết định hình phạt tù đối với cả hai tội là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với khẩu súng trường K63 là vũ khí quân dụng do Trung Quốc sản xuất hiện đang bảo quản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc cần tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng.

Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật; việc tàng trữ, sử dụng súng do bức tức việc chị F (là vợ bị cáo) coi Nờng bị cáo, không có mục đích giết người và không vì mục đích vụ lợi; hiện bị cáo lao động tự do không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là quản chế và phạt tiền là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vũ Đình C phạm tội “Đe dọa giết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Đình C **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Đe dọa giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Đình C **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo Vũ Đình C phải chấp hành hình phạt của hai tội là **04** (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng trường K63 do Trung Quốc sản xuất hiện đang bảo quản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc vì không còn giá trị sử dụng.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Đình C phải chịu 200.000đ.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu HS + HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn